

LANKAVÔNG VÀ PHẬT GIÁO THÁI LAN

NGÔ VĂN DOANH^(*)

Mặc dầu ngay từ đầu Công nguyên đã có mặt ở đất Thái Lan, nhưng chỉ từ khi nhà nước Xụ Khổ Thay ra đời (thế kỉ XIV), Phật giáo mới dần dần trở thành tôn giáo chính của người Thái ở Thái Lan. Khi đã trở thành một cư dân chủ thể của một quốc gia thống nhất, trước mặt người Thái đã có cả một loạt những dòng Phật giáo khác nhau để lựa chọn. Đại thừa có, Tiểu thừa có. Thật là lạ, người Thái đã không chọn những dòng vốn tồn tại lâu đời trên đất Thái Lan mà lại dang tay niềm nở đón một trào lưu Phật giáo mới từ Sri Lanka tới để làm quốc giáo. Không phải bỗng dưng mà người Thái chọn cho mình dòng Theravada của Sri Lanka - Phật giáo Lankavông. Chính lịch sử đã đưa người Thái đến sự lựa chọn đó.

Cho đến thế kỉ XIII, Phật giáo đã tồn tại được gần hai nghìn năm. Trong suốt thời gian đó, Phật giáo đã phải luôn luôn chỉnh lí và hoàn thiện giáo lí, văn bản... cho phù hợp với từng thời điểm lịch sử. Tới thế kỉ XII, giới Phật giáo đã tổ chức sáu lần kết tập lớn để hoàn chỉnh, bổ sung và sửa đổi giáo lí, kinh điển. Kết quả là, nhiều dòng, nhiều tông phái Phật giáo đã ra đời. Thế kỉ XII được chứng kiến lần kết tập thứ bảy của Phật giáo. Lần kết tập này được tổ chức tại Sri Lanka. Từ đó, hòn đảo này trở thành thánh địa của Phật giáo Tiểu thừa cho toàn Đông Nam Á.

Mảnh đất đầu tiên mà Lankavông bén rễ

Thái Lan là Nakhon Si Thammarat. Ở đó, hiện nay vẫn còn ngôi tháp lớn xây theo kiểu Sri Lanka - tháp lớn ở Vát Mahadhatu. Bia kí của Ram Khăm Hêng cho biết, các nhà sư ở Nakhon Si Thammarat được mời lên Xụ Khổ Thay để chép *Tam Tạng kinh* (Tripitaka) bằng chữ Sinhale (chữ Sri Lanka). Vua Ram Khăm Hêng đã xây chùa Aranich giành cho vị cao tăng từ Nakhon Si Thammarat lên Xụ Khổ Thay để truyền bá Phật giáo Lankavông. Vị vua thứ ba này của vương triều Pra Ruang còn cho xây nhiều chùa tháp trong vương quốc của mình: Tháp lớn Vát Changlom ở Xa Vả Khalóc xây năm 1288 theo kiểu của Sri Lanka; núi có dấu chân Phật (Khẩu Prabat jày) ở Xụ Khổ Thay mô phỏng Sumana Kuta của người Sinhale. Bia kí của Ram Khăm Hêng có đoạn viết: "Đức vua, cùng các hoàng thân công chúa, quý tộc, tướng lĩnh, đàn ông, cũng như đàn bà đều thờ Phật và đi nghe thuyết pháp vào mùa mưa. Cuối mùa mưa, vua tổ chức lễ Katsin để lễ dâng y trang phục và quà cho các sư". Lễ Katsin kéo dài cả tháng. Sau lễ đó là đến hội nển (Loi Krathông) rục rờ tung bùng. Chu Đạt Quang - sứ thần của Trung Quốc đã đến Ăngco và Thái khi đó - mô tả hội này như sau: "Mường Xụ Khổ Thay có bốn cổng. Từng đoàn người đông đặc kéo đến bốn cổng đó để xem vua đốt nển và lễ vui chơi

*. TS, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

dưới ánh sáng rực rỡ của muôn vòm cây nến. Mừng Xụ Khổ Thay dày đặc những người là người. Ai cũng vui nhộn, phấn khởi".

Thoạt đầu, các nhà sư từ Sri Lanka đến không sống cùng các sư bản địa. Về sau, nhờ sự thống nhất các tăng đoàn của Ram Khăm Hêng, sự tách biệt đó mới chấm dứt. Nhưng, cũng từ đây, Lankavông ở Thái Lan chia ra làm hai dòng: Aranavasi hay Vanasavi (những người sống ẩn dật trong rừng) và Gamavasi (những người học theo kinh sách và sống ở các đô thị, làng quê).

Dưới thời vua Ram Khăm Hêng, tăng đoàn đã bước đầu được tổ chức. Tước danh tăng vương (Sangha Ratgia) được phong cho vị sư am hiểu nhất về giáo lí. Vị này rất được vua trọng vọng và là chủ tăng đoàn trong vương quốc.

Thời trị vì của con trai Ram Khăm Hêng là Lê Thay (1318 - 1347), Phật giáo được củng cố thêm một bước nữa ở Xụ Khổ Thay. Bằng những hoạt động tôn giáo tích cực, vị vua này được phong hiệu "Dhamma Ratgia" (vua Đạo Pháp).

Đến thời trị vì của Li Thay (1347 - 1361), Phật giáo Lankavông mới thực sự đạt đến độ hưng thịnh. Li Thay không chỉ là người bảo hộ hào phóng đối với Phật giáo mà còn là người rất am hiểu về triết lí nhà Phật. Các sử liệu cho rằng, Li Thay là tác giả của bộ *Tray Phum* (Ba thế giới) khổng lồ về vũ trụ quan, luân lí và đạo đức của Phật giáo Thái Lan. Li Thay còn là ông vua đầu tiên của Thái Lan bỏ ngai vàng đi tu hành một thời gian. Về sau, các vua Thái Lan noi theo tấm gương này và trở thành một tập tục đối với thanh niên Thái. Cho đến nay, mọi thanh niên ở Thái Lan đều phải vào chùa tu hành bốn tháng.

Các bia kí đã giành nhiều dòng để ca ngợi vị vua - nhà sư này: "Ông lúc nào cũng thích ban phát và bố thí không biết mệt mỏi cho các nhà sư", "ông thích bỏ nhà vào rừng để trầm tư", "ông luôn ăn chay giữ giới", "ông đã trồng nhiều cây, dựng nhiều chùa, làm nhiều tượng Phật ở khắp mọi nơi"...

Vua Li Thay đã mời vị đại sư Sunman từ Pegu đến Xụ Khổ Thay. Vị đại sư này là học trò của cao tăng Udumbara Mahasami (Mahasami là tước hiệu của nhà vua Sri Lanka dùng để phong cho các nhà sư nước ngoài đến học đạo) dòng Sinhale. Nhà sư Sunman ở Xụ Khổ Thay 6 năm, sau lên Lämpun truyền đạo theo lời mời của vua Lan Na. Tại đây, vua Lan Na xây cho ông ngôi chùa Pia Un (chùa Phật ngủ). Năm 1371, sư Sunman đến Chiêng Mây và giảng đạo ở chùa Xuôn Đọc (chùa Vườn hoa). Từ đó, Phật giáo Lankavông bắt đầu hưng thịnh ở bắc Thái Lan.

Đến thời Aduthada (1350 - 1767) Phật giáo Tiểu thừa Lankavông vẫn tiếp tục phát triển và những mối quan hệ mật thiết giữa Thái Lan với Sri Lanka vẫn được duy trì.

Bốn mươi năm trị vì của vua Bôrôm Traylôkanat (1448 - 1488) là những năm tháng rực rỡ của Lankavông ở Thái Lan. Noi gương các vua trước, Bôrôm Traylôkanat đã đi tu. Ông là vị vua Thái đầu tiên hiến dâng cung điện của mình cho tăng đoàn. Dưới triều ông, nhiều chùa chiền mọc lên. Đặc biệt, vào năm 1458, Traylôkanat ra lệnh đúc các tượng đồng thể hiện 500 kiếp trước của Phật.

Thời Aduthada còn đánh dấu sự ra đời của một dòng Phật giáo mới ở Thái Lan, dòng Vanaratnavông hay Pà Keo (rừng Ngọc). Dòng này vốn đã rất hưng thịnh

trước đó ở Nakhon Si Thammarat và Patalung. Đến thời Aduthada nó bành trướng và phát triển dần lên miền trung và bắc của Thái Lan.

Năm 1423, hai mươi lăm vị cao tăng của Chiêng Mây cùng tám vị sư của Campuchia và sáu vị hòa thượng Môn của Mianma đã đi Sri Lanka học đạo. Năm 1425, họ trở về. Trên đường về, các vị này ghé qua Aduthada, Xụ Khổ Thay và Xavăn Khalốc. Họ ở lại đó mấy năm trời, mãi đến năm 1430 mới về tới Chiêng Mây. Giai đoạn này đánh dấu một bước củng cố mới của Phật giáo Lankavông trên toàn bộ lãnh thổ của Thái Lan.

Sau khi tu nghiệp ở Sri Lanka về, các vị cao tăng Thái bắt đầu truyền bá Phật giáo ở Lămpun, Lampang, Chiêng Rai, Chiêng Sên... Trụ sở chính của họ đóng tại chùa Pa Đeng (chùa Hồng Lâm) cách Chiêng Mây ba cây số.

Năm 1767 quân đội Mianma xâm chiếm Thái Lan, vương triều Aduthada sụp đổ. Sau đó, quân Mianma bị đánh đuổi, người Thái giành được độc lập. Từ đó cho đến nay là thời kì Băng Cốc trong lịch sử Thái Lan. Vương triều có thay đổi nhưng Phật giáo Lankavông vẫn cứ tồn tại như một quốc giáo ở Thái Lan.

Rama I, vị vua sáng lập ra vương triều Chakri, rất quan tâm tới việc củng cố và phát triển Phật giáo. Ông đứng ra tổ chức viết lại toàn bộ *Tam Tạng kinh* bằng tiếng Pali lên những bộ sách lá cọ đồ sộ. Dưới thời vua Rama I, một sự kiện quan trọng đối với Phật giáo Thái Lan đã xảy ra vào năm 1788. Vào năm đó, cuộc kết tập Phật giáo lần thứ chín được tổ chức tại Mahadhatu ở Băng Cốc dưới sự bảo trợ của chính nhà vua

Rama I. Sau năm tháng kết tập, đã hoàn chỉnh được 45 tập kinh sách.

Vua Rama I còn ban hành một số chiếu chỉ cho các sư tăng (tiếng Thái là Kotmoi Phrasong). Một chiếu chỉ nói rằng: mỗi nhà sư có trình độ giảng đạo phải có căn cước đi lại. Chiếu chỉ khác lại yêu cầu mỗi vị sư trưởng phải có danh sách các sư tăng dưới sự quản lí của mình và phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi của họ. Như vậy, dưới thời Rama I, một hình thức tổ chức mới kiểu giáo hội của tăng đoàn Thái Lan đã xuất hiện.

Từ khi lên ngôi (năm 1782) đến khi mất (năm 1809) Rama I đã làm rất nhiều cho Phật giáo Thái Lan. Ngoài những công việc vừa kể trên, vị vua sùng đạo này còn bỏ ra nhiều tiền của quốc gia cũng như của riêng mình để đúc tượng, xây chùa, dựng tháp. Trong hàng loạt ngôi chùa lộng lẫy đó có chùa Phật Ngọc nổi tiếng ở Băng Cốc được xây dựng dưới sự bảo trợ và chi phí của nhà vua. Theo lệnh Rama I, người ta còn thu từ khắp nơi về Băng Cốc 1.200 tượng Phật bằng đồng để thờ tự hoặc để cho các nghệ sĩ dựa vào đó mô phỏng làm thêm nhiều tượng mới.

Vua Rama II (1809 - 1824) tiếp tục hoàn thiện tổ chức tăng đoàn ở Thái Lan. Dưới thời ông, người ta đã áp dụng một hệ thống giáo dục chặt chẽ theo kiểu thầy tu. Những văn bản kinh sách bằng tiếng Pali được lựa chọn và phân chia cho thích hợp với từng cấp bậc. Trong hệ thống giáo dục của Rama II có hai loại: học đạo pháp hay giáo lí nhà Phật và học tiếng cùng văn bản Pali. Chương trình học giáo lí được chia làm ba cấp. Ai học qua cả ba cấp sẽ được phong hiệu Nacdhama (người thông hiểu giáo lí

Phật giáo). Còn học tiếng và văn bản Pali có bảy cấp. Ai học qua cả bảy cấp được phong hiệu Mahá Phra Mahá. Nhưng thông thường, việc dạy giáo lí và văn bản Pali kết hợp với nhau cùng một lúc. Muốn qua hết tất cả hai chương trình đòi hỏi phải mất bảy năm học.

Cho đến nay, chương trình giáo dục nhà chùa vẫn dựa trên những cơ sở có từ thời Rama II.

Dưới thời Rama II, quan hệ tôn giáo giữa Thái Lan và Sri Lanka vẫn được duy trì. Lúc này Sri Lanka đã bị Anh chiếm đóng. Vua Thái Lan rất lo lắng cho tình hình Phật giáo ở đó. Ông liền tiếp phái bảy đoàn Phật tử đến Sri Lanka để duy trì và củng cố tăng đoàn.

Nang Klao hay Rama III (1824-1851) tiếp tục củng cố Phật giáo Lankavông trong nước. Thời kì này, tổ chức hành chính của tăng đoàn được tổ chức lại cho thích hợp. Cả nước được chia thành bốn khu vực chịu sự chi phối của tổ chức tăng đoàn: khu Trung tâm, khu Bắc, khu Nam và khu Đông hay khu của dòng Gamavasi. Đứng đầu tổ chức tăng đoàn của Thái Lan là Xổmdet Phra Xảngkharaja (Vương Sư). Chức này do vua chỉ định. Bốn vị đứng đầu bốn khu tăng đoàn kể trên cũng do vua chỉ định và có tước hiệu là Xổmdet Phra Pajagana.

Bên cạnh việc tăng cường tổ chức bộ máy hành chính của tăng đoàn, Rama III còn tiến hành xây dựng nhiều chùa chiền. Một trong những sự kiện quan trọng thời ông là việc trùng tu và mở rộng ngôi chùa Sếtthuphôn ở Băng Cốc.

Một sự kiện quan trọng đối với Phật giáo Thái Lan trong thời kì này là việc Hoàng

thân Mông Kut thiết lập ra một phái Phật giáo mới - Thammajut Nikay. Sự việc này xảy ra tại chùa Xamôrai vào năm 1833.

Như vậy là vào thời kì Băng Cốc ở Thái Lan đã hình thành hai phái Phật giáo: Mahá Nikay hay Lankavông nguyên thủy và Thammajut Nikay. Tuy gọi là hai phái, nhưng thực ra, giữa Mahá Nikay và Thammajut Nikay hầu như không có gì khác biệt về mặt giáo lí. Cả hai Nikay đều tuân theo 227 pháp giới trong *luật tạng* (Vinai Pitaka) và đều được sự quý trọng như nhau của quần chúng. Giữa hai Nikay này chỉ có sự khác biệt trong một vài hình thức bên ngoài. Ví dụ, khác với các nhà sư Mahá Nikay, các sư Thammajut Nikay không bao giờ trực tiếp nhận tiền hoặc đồ cúng trong khi đi khất thực. Công việc ấy được một chú tiểu đi kèm làm thay. Các sư Thammajut Nikay không uống sữa vào buổi chiều, không bỏ giày dép khi vào nhà...

Cho đến nay, cả hai Nikay vẫn tồn tại ở Thái Lan. Theo số liệu năm 1967, tình hình của hai phái đó như sau: Mahá Nikay có 23.580 chùa và 17.682 sư; còn Thammajut Nikay chỉ có 1.050 chùa và 8.949 sư. Tuy vậy, uy tín và ảnh hưởng của Thammajut Nikay đối với các tầng lớp trên lại mạnh hơn so với Mahá Nikay vì hầu hết các sư sãi của Nikay này đều xuất thân từ dòng dõi quý tộc, hoàng gia.

Sau 26 năm tu hành, năm 1850, Hoàng thân Mông Kut lên ngôi vua và lấy hiệu là Rama IV. Dưới thời trị vì của vị vua sùng đạo này, Phật giáo Thái Lan, đặc biệt là Thammajut Nikay được khuyến khích phát triển.

Sang thời Chulalongkon tức Rama V (1868-1910), Phật giáo Thái Lan được củng

cổ và phát triển sâu rộng thêm một bước. Lần đầu tiên, bộ *Đại Tạng Kinh* (Tripitaka) khổng lồ được in ra. Công việc hoàn thành vào năm 1893 - năm kỉ niệm hai mươi lăm năm lên ngôi của Chulalongkon. Vào năm đó, hàng nghìn bộ kinh (mỗi bộ có 39 tập) được gửi về các chùa trong nước và sang các nước Phật giáo láng giềng.

Chulalongkon còn thiết lập Mahā Thērasamaga, tức hội đồng các cao tăng để lãnh đạo tổ chức tăng ni trong toàn quốc. Hội đồng này gồm chín vị: Xỏmdet Xảng Kharaja (Vương Sư); bốn Xỏmdet Phra Pajagana đứng đầu bốn vùng: Bắc, Nam, Trung và Đông; cùng bốn vị trợ lí cho Vương Sư.

Đặc biệt, thời Rama V việc giáo dục Phật giáo được chú ý nhiều. Trường Đại học Phật giáo hay Mahā Chulalongkon Ratgiavidialaia được thành lập. Em của Chulalongkon còn lập thêm một trường Đại học Phật giáo khác có tên là Mahā Mahutratgiavidialaia giành riêng cho khu Đông.

Sau khi Chulalongkon mất, năm 1910, Hoàng tử Vasiravut lên ngôi vua tức Rama VI. Sau ba năm lên ngôi, Rama VI thôi dùng lịch Băng Cốc hay lịch Ratanakôsin và thay vào đó bằng Phật lịch.

Các vị vua sau Rama VI là Rama VII, Rama VIII... cũng đều rất chú ý củng cố Phật giáo ở Thái Lan. Vua Rama VI tổ chức hội nghị các cao tăng ở Băng Cốc để chỉnh lí và dịch lại các bộ *Đại Tạng kinh*. Đến thời Rama VIII, lần đầu tiên, bộ Tripitaka

được dịch từ tiếng Pali sang tiếng Thái.

Trước sự phát triển ngày càng rộng rãi của Phật giáo, năm 1963, một hệ thống tổ chức tăng ni mới đã ra đời ở Thái Lan. Đứng đầu tổ chức Phật giáo trong cả nước là Hội đồng Tăng thống (tiếng Thái là Kanasong) Hội đồng này do vị Xỏmdet Phra Xảng Kharaja (Vương Sư) lãnh đạo và gồm bốn ban: Ban hành chính, Ban giáo dục, Ban tuyên truyền và Ban phụ trách các công việc xã hội. Toàn Thái Lan được chia thành 18 vùng tôn giáo nằm trong bốn khu vực địa lí: Khu Trung, khu Bắc, khu Đông và khu Nam. Đứng đầu mỗi khu là một vị Đại sư hiệu Mahā Thēra. Đứng đầu mỗi vùng là một vị Đại sư hiệu Chau Khanpak. Dưới mỗi vùng lại có tổ chức tăng của tỉnh, thị trấn, huyện. Dưới nữa là tổ chức tăng của các xã (Tăm Bôn). Đơn vị thấp nhất của tổ chức tăng ở Thái Lan là chùa.

Tổ chức tăng của Thái Lan còn có cả bộ máy tư pháp riêng bao gồm: Toà án Tối cao, Toà án Thượng thẩm, rồi đến các toà án ở các khu vực.

Để sử dụng Phật giáo cho mình, Chính phủ Thái Lan đã lập ra Vụ Tôn giáo trực thuộc Bộ Giáo dục. Vụ trưởng Vụ Tôn giáo đồng thời là thư kí của Kanasong. Việc bổ nhiệm hoặc bãi miễn các thành viên của Hội đồng Tăng ni đều do Vụ Tôn giáo thực hiện. Vụ Tôn giáo còn có nhiệm vụ quản lí tài sản của Kanasong. Bộ máy hành chính của Vụ này còn có chân rết xuống các địa phương giống hệt các tổ chức Phật giáo./.